

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ MẶT HÀNG NÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC TỈNH THÁI NGUYÊN

Kỳ điều tra: Tháng 7/2024

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên

[illegible]

TT	Tên hàng hoá điều tra	Loại	Đơn vị tính	Giá bán (nghìn đồng)									
				TP Thái Nguyên	Huyện Đồng Hỷ	Huyện Phú Lương	TP Sông Công	TP Phổ Yên	Huyện Phú Bình	Huyện Võ Nhai	Huyện Định Hoá	Huyện Đại Từ	Bình quân toàn tỉnh
1	Gà (hơi)												
	Gà lông màu hơi	Loại 1	Kg	69	58	57	77	72	79	75	69	55	68
	Gà trắng	Loại 1	Kg	44	30	34	32	32		48	38	43	38
2	Vịt (hơi)	Loại 1	Kg	49	50	39	50	48	50	75	42	39	49
V	Trứng												
1	Trứng gà trang trại	Loại 1	Chục quả	29	27	26	30	34	31	35	35	26	30
2	Trứng vịt	Loại 1	Chục quả	29	29	31	36	31	33	40	35	30	33
VI	Thủy sản												
1	Cá chép > 1kg	Loại 1	Kg	61	65	68	60	61	60	78	67	60	64
2	Cá trắm cỏ > 1kg	Loại 1	Kg	65	68	73	72	69	65	78	62	67	69
VII	Chè búp khô (chè móc câu)	Loại 1	Kg	210	243	263	360	217	170	117	167	157	211

Qua kết quả điều tra, đánh giá cho thấy:

- Giá trung bình gạo tẻ thường và gạo nếp không thay đổi so với tháng 6
- Giá trung bình các loại rau thay đổi không đáng kể so với tháng 6
- Giá trung bình thịt lợn mỡ sấn là 113 nghìn đồng, tăng 0,9% so với tháng 6. Trong đó cao nhất là huyện Võ Nhai (122 nghìn đồng), thấp nhất là huyện Đồng Hỷ (103 nghìn đồng)
- Giá trung bình các loại trứng gà trang trại, trứng vịt tăng 3% so với tháng 6
- Giá trung bình cá chép, trắm cỏ thay đổi không đáng kể so với tháng 6
- Giá chè búp khô trung bình 211 nghìn đồng giảm 1,4% so với tháng 6. Trong đó giá chè cao nhất là TP. Sông Công (360 nghìn đồng) và thấp nhất là huyện Võ Nhai (117 nghìn đồng)

Thanh Vân - Tổng hợp